

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 7 năm 2025 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 8 544 270
- Fax : 0243 8 541 208

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Thái Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Văn Lực	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Thành Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Cương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2021
Ông Đỗ Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2022
Ông Đặng Xuân Cung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Chính – Tổng Giám đốc (đến ngày 09 tháng 7 năm 2025) và Ông Nguyễn Kim Cương – Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 7 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty mẹ và các Công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ và các Công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ và các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty mẹ và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 1.1414/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 và các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty bị Ông Lê Phi Long và Bà Nguyễn Thị Ngải kiện. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có phán quyết cuối cùng của tòa án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 30 tháng 8 năm 2024 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		419.706.248.869	467.118.256.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.013.200.091	36.265.176.272
1. Tiền	111		17.013.200.091	36.265.176.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.676.827.417
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.676.827.417
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.130.376.515	324.946.933.535
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	332.490.819.772	370.180.516.681
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.709.415.300	14.570.937.493
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	56.455.936.617	54.113.869.797
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(114.525.795.174)	(113.918.390.436)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		110.530.632.249	102.342.499.062
1. Hàng tồn kho	141	V.6	164.217.108.764	152.753.348.793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.686.476.515)	(50.410.849.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.032.040.014	886.820.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	960.917.747	860.549.307
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.517.317	8.691.962
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	61.604.950	17.578.853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		553.399.236.985	573.751.565.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	132.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		45.000.000	132.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		541.151.444.154	560.940.327.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	539.978.351.757	559.511.629.403
<i>Nguyên giá</i>	222		1.167.125.276.535	1.167.079.280.431
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(627.146.924.778)	(607.567.651.028)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.173.092.397	1.428.697.686
<i>Nguyên giá</i>	228		21.042.915.041	21.042.915.041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19.869.822.644)	(19.614.217.355)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		328.855.800	328.855.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		328.855.800	328.855.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.873.937.031	12.350.383.071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.390.156.418	3.866.602.458
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.6	8.483.780.613	8.483.780.613
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		973.105.485.854	1.040.869.822.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		550.305.202.279	646.384.603.282
I. Nợ ngắn hạn	310		549.821.868.951	534.579.992.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	55.743.739.814	61.279.155.328
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	83.026.510.487	84.352.531.545
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	25.955.007.812	32.893.821.038
4. Phải trả người lao động	314		19.945.782.990	56.634.549.212
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	11.077.713.430	14.148.844.089
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	107.919.022.761	94.363.582.295
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	213.335.649.400	166.008.267.214
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	32.818.442.257	24.899.242.257
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		483.333.328	111.804.610.304
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	483.333.328	111.804.610.304
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		422.800.283.575	394.485.219.086
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	422.695.033.575	394.379.969.086
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.979.933.988	40.979.933.988
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.301.909.587	85.986.845.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29.706.845.098	85.986.845.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.595.064.489	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		105.250.000	105.250.000
1. Nguồn kinh phí	431		105.250.000	105.250.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		973.105.485.854	1.040.869.822.368

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cung

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	241.277.370.693	186.002.605.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		241.277.370.693	186.002.605.139
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.493.231.217	110.506.870.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.784.139.476	75.495.734.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	891.289.909	1.628.508.396
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.035.958.487	13.678.668.772
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.027.441.380	13.673.688.770
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	218.472.295
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.960.180.952	22.702.213.811
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.679.289.946	40.524.887.665
12. Thu nhập khác	31		120.909.091	173.181.819
13. Chi phí khác	32		321.469.164	719.672.240
14. Lợi nhuận khác	40		(200.560.073)	(546.490.421)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.478.729.873	39.978.397.244
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	12.883.665.384	9.206.623.084
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.595.064.489	30.771.774.160
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		59.595.064.489	30.771.774.160
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	1.910	830
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.5	1.910	830

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cung

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.478.729.873	39.978.397.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	19.869.164.753	19.786.012.317
- Các khoản dự phòng	03		3.883.031.522	8.077.510.481
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.2,3	(186.258.718)	(900.372.751)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(158.353.481)	(105.220.588)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.027.441.380	13.673.688.770
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.913.755.329	80.510.015.473
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		34.310.106.158	107.785.641.501
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.463.759.971)	(2.010.045.204)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.773.659.381)	(72.421.010.086)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		376.077.600	(1.075.726.747)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.498.703.928)	(9.367.612.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(10.937.059.037)	(9.321.539.172)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.320.800.000)	(353.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.605.956.770	93.746.423.606
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(80.281.818)	(1.983.529.406)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		22.727.273	75.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.676.827.417	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.626.208	30.220.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.754.899.080	(1.878.308.818)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.16a	21.354.488.950	30.373.321.770
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.16a	(85.922.546.711)	(112.606.511.372)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(64.568.057.761)	(82.233.189.602)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(19.207.201.911)	9.634.925.186
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	36.265.176.272	23.817.007.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(44.774.270)	613.128.001
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	17.013.200.091	34.065.060.905

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cung

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, Công ty mẹ không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Số 1A, km số 2, đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	8/2 Phan Đình Phùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	503 Núi Thành, phường Hoà Cường Nam, thành phố Đà Nẵng	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 562 nhân viên đang làm việc tại các Công ty mẹ và các Công ty con (số đầu năm là 580 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các Công ty con thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty mẹ và các Công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty mẹ và các Công ty con chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phí sử dụng phần mềm

Phí sử dụng phần mềm thể hiện khoản tiền phí đã trả cho nhà cung cấp. Phí sử dụng phần mềm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được sử dụng (1-3 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	5-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định khác	3-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06-10 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và các Công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và các Công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng Công ty Điện lực xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty mẹ và các Công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	657.581.614	331.094.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.355.618.477	35.934.081.522
Cộng	17.013.200.091	36.265.176.272

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	188.188.499.864	217.491.164.821
Công ty Mua bán điện	45.549.334.599	57.596.603.585
Ban Quản lý dự án Điện 1	15.978.252.016	20.200.728.686
Ban Quản lý dự án Điện 2	25.660.987.130	14.107.500.862
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	24.702.865.396	29.552.032.784
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Trung	28.369.099.082	31.911.935.084
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	8.184.245.504	12.045.973.312
Ban Quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	7.042.925.794	5.847.929.965
Công ty Truyền tải Điện 1	2.406.805.467	3.483.268.287
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	2.658.111.976	2.365.910.188
Ban Quản lý dự án Xây dựng điện Miền Bắc	1.870.177.476	3.863.857.166
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.782.583.662	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.394.269.424	1.394.269.424
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	19.588.842.338	35.121.155.478
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	144.302.319.908	152.689.351.860
Cộng	332.490.819.772	370.180.516.681

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần VINTEG	1.095.200.000	1.095.200.000
Các nhà cung cấp khác	14.114.215.300	11.975.737.493
Cộng	16.709.415.300	14.570.937.493

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	25.957.496.255	(566.524.498)	20.031.588.963	(566.524.498)
Ký quỹ	13.091.839.229	-	19.314.325.960	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.552.062.013	-	2.092.769.887	-
Ứng lương công trình	6.120.376.138	-	5.370.622.154	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.734.162.982	(4.954.963.985)	7.304.562.833	(4.954.963.985)
Cộng	56.455.936.617	(5.521.488.483)	54.113.869.797	(5.521.488.483)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	13.376.051.991	14.798.373.877
Ban Quản lý dự án lưới điện	5.291.212.284	5.291.212.284
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	1.773.141.040	1.773.141.040
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Nam	1.222.732.291	1.222.732.291
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	184.316.603	1.323.549.735
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	4.904.649.773	5.187.738.527
Phải thu các khách hàng khác	82.007.645.381	79.977.918.757
Công ty Cổ phần truyền tải điện Lộc Ninh	7.028.886.275	7.028.886.275
Công ty Cổ phần Xây dựng & Lắp máy Trung Nam	5.399.790.152	5.399.790.152
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Nho Quế	5.180.920.765	5.180.920.765
Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	4.765.595.731	4.765.595.731
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	4.000.926.144	4.000.926.144
Các khách hàng khác	55.631.526.314	53.601.799.690
Tạm ứng	566.524.498	566.524.498
Phải thu khác	4.954.963.985	4.954.963.985
Trả trước cho nhà cung cấp	13.620.609.319	13.620.609.319
Cộng	114.525.795.174	113.918.390.436

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	113.918.390.436	73.821.626.278
Trích lập dự phòng bổ sung	5.501.973.248	9.316.633.133
Hoàn nhập dự phòng	(4.894.568.510)	(11.000.000)
Số cuối kỳ	114.525.795.174	83.127.259.411

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.637.064.846	-	2.529.894.846	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	161.333.495.461	(53.686.476.515)	149.976.905.490	(50.410.849.731)
Hàng hóa	246.548.457	-	246.548.457	-
Cộng	164.217.108.764	(53.686.476.515)	152.753.348.793	(50.410.849.731)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.196.618.688	(1.712.838.075)	10.196.618.688	(1.712.838.075)
Cộng	10.196.618.688	(1.712.838.075)	10.196.618.688	(1.712.838.075)

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	50.410.849.731	44.395.451.990
Trích lập dự phòng bổ sung	4.050.946.227	-
Hoàn nhập dự phòng	(775.319.443)	(1.228.122.652)
Số cuối kỳ	53.686.476.515	43.167.329.338

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	103.100.227	380.953.276
Chi phí phần mềm	832.665.248	479.596.031
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.152.272	-
Cộng	960.917.747	860.549.307

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phần mềm	362.921.248	476.251.858
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.511.662.805	1.856.771.437
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.515.572.365	1.533.579.163
Cộng	3.390.156.418	3.866.602.458

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.443.177.942	19.599.737.099	21.042.915.041
Số cuối kỳ	1.443.177.942	19.599.737.099	21.042.915.041

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	97.053.000	17.708.253.229	17.805.306.229
---------------------------------------	------------	----------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.071.147.000	18.543.070.355	19.614.217.355
Khấu hao trong kỳ	-	255.605.289	255.605.289
Số cuối kỳ	1.071.147.000	18.798.675.644	19.869.822.644

Giá trị còn lại

Số đầu năm	372.030.942	1.056.666.744	1.428.697.686
Số cuối kỳ	372.030.942	801.061.455	1.173.092.397

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	794.236.624.771	282.794.288.361	59.151.458.337	9.089.093.553	21.807.815.409	1.167.079.280.431
Mua trong kỳ	-	-	-	80.281.818	-	80.281.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.285.714)	-	-	-	(34.285.714)
Số cuối kỳ	794.236.624.771	282.760.002.647	59.151.458.337	9.169.375.371	21.807.815.409	1.167.125.276.535
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.762.246.860	36.698.279.772	53.878.087.248	7.759.137.647	228.799.000	119.326.550.527
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	323.823.661.376	210.901.135.293	58.029.903.899	8.401.312.979	6.411.637.481	607.567.651.028
Khấu hao trong kỳ	14.348.650.842	4.608.981.230	267.822.720	161.402.736	226.701.936	19.613.559.464
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.285.714)	-	-	-	(34.285.714)
Số cuối kỳ	338.172.312.218	215.475.830.809	58.297.726.619	8.562.715.715	6.638.339.417	627.146.924.778
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	470.412.963.395	71.893.153.068	1.121.554.438	687.780.574	15.396.177.928	559.511.629.403
Số cuối kỳ	456.064.312.553	67.284.171.838	853.731.718	606.659.656	15.169.475.992	539.978.351.757
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Năm phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% Ebitda không được trừ		
		Số đầu năm	Đã sử dụng trong kỳ	Số còn được chuyển
2021	Đã quyết toán	10.590.534.012	10.590.534.012	-

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.271.550.474	1.442.933.913
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	171.383.439
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp khảo sát tổng hợp Miền Nam	140.125.556	140.125.556
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.131.424.918	1.131.424.918
Phải trả các nhà cung cấp khác	54.472.189.340	59.836.221.415
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	12.612.402.221	12.267.205.525
Các nhà cung cấp khác	41.859.787.119	47.569.015.890
Cộng	55.743.739.814	61.279.155.328

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	51.831.019.339	56.084.464.747
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	161.500.000	161.500.000
Ban Quản lý dự án Điện 1	1.715.812.196	6.493.452.029
Ban Quản lý dự án Điện 2	20.680.049.011	19.610.003.674
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	10.701.377.922	11.602.405.667
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Trung	1.532.443.811	2.660.882.947
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	6.601.205.091	6.980.105.091
Ban Quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	3.047.511.391	530.965.142
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng điện 3	-	2.100.000.000
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	7.391.119.917	5.945.150.197
Trả trước của các khách hàng khác	31.195.491.148	28.268.066.798
Cộng	83.026.510.487	84.352.531.545

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.848.617.087	17.578.853	15.243.227.673	(25.272.602.404)	3.819.242.356	17.578.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.286.343.262	-	12.883.665.384	(10.937.059.037)	13.276.975.706	44.026.097
Thuế thu nhập cá nhân	329.489.136	-	7.933.821.297	(6.170.419.498)	2.092.890.935	-
Thuế tài nguyên	2.290.388.591	-	10.316.566.043	(9.801.725.861)	2.805.228.773	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.997.809.784	-	3.468.918.708	(4.613.825.196)	1.852.903.296	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	1.220.669.500	(1.220.669.500)	-	-
Thuế nhà đất	35.596.717	-	27.628.428	(63.225.145)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	1.104.251.828	(1.104.251.828)	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.105.576.461	-	369.609.805	(367.419.520)	2.107.766.746	-
Cộng	32.893.821.038	17.578.853	52.572.358.666	(59.555.197.989)	25.955.007.812	61.604.950

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% - 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các Công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty mẹ phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 2.204,0655 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Tiền thuê đất

Công ty mẹ được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích 2.390.076,2 m² đất đang sử dụng tại xã Mà Coih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty mẹ phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê (năm)</u>
- Diện tích 9.003,4 m ²	235.651 VND/m ²
- Diện tích 8.897,8 m ²	625 VND/m ²

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty mẹ phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Công ty mẹ và các Công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	825.220.555	366.156.532
Trích trước chi phí các công trình	7.520.118.448	11.351.837.212
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản Nhà Máy Sông Bung 5	954.471.245	954.471.245
Chi phí đồng phục	436.500.000	436.500.000
Chi phí ăn ca	557.992.000	657.517.100
Thù lao Ban kiểm soát	577.320.000	373.962.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	206.091.182	8.400.000
Cộng	11.077.713.430	14.148.844.089

15. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.062.348.155	1.117.442.637
Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế;	1.416.348.134	107.249.441
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức phải trả	16.786.374.693	2.812.979.715
Phải trả CBNV tiền ứng mua vật tư	5.462.872.394	6.179.573.768
Phải trả các phòng ban, đội thi công công trình	13.634.649.764	13.874.210.024
Phải trả lãi vay ⁽ⁱ⁾	56.184.635.452	52.114.962.023
Ông Lê Phi Long	37.834.499.765	35.710.799.493
Bà Nguyễn Thị Ngải	5.603.067.845	5.123.586.449
Ông Lê Minh Hà	6.307.216.185	5.891.709.611
Các cá nhân khác	6.439.851.657	5.388.866.470
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.371.794.169	18.157.164.687
Cộng	107.919.022.761	94.363.582.295

⁽ⁱ⁾ Lãi vay cá nhân phải trả được Công ty tính và ghi nhận dựa trên tiền gốc vay theo giấy nhận nợ và lãi theo thông báo từng kỳ của Công ty (xem thêm tại thuyết minh số VII.1).

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.489.742.225	30.167.362.338
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		
- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	2.438.560.000	14.017.757.069
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	17.719.970.593	11.492.664.484
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	1.949.715.416	4.521.402.926
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Hà Nội	381.496.216	135.537.859
Vay ngắn hạn các cá nhân⁽ⁱⁱⁱ⁾	126.322.036.173	127.582.036.173
Ông Lê Phi Long	64.400.000.000	64.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngải	14.540.000.000	14.540.000.000
Ông Lê Minh Hà	12.600.000.000	12.600.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	34.782.036.173	36.042.036.173

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay lương ^(iv)	64.487.621.000	8.186.368.699
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (xem thuyết minh số V.16b)	36.250.002	72.500.004
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	36.250.002	72.500.004
Cộng	213.335.649.400	166.008.267.214

- (i) Các khoản vay Ngân hàng của Công ty mẹ để trả lương nhân viên, có thời hạn không quá 9 tháng, lãi suất cho vay được thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ từng lần, bao gồm:
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng ngày 23/10/2024. Tổng hạn mức cấp tín dụng là 80 tỷ VND, hạn mức cho vay và tương đương cho vay là 30 tỷ VND. Biện pháp đảm bảo thế chấp bằng quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn cho Ban Quản lý Công trình điện miền Trung.
 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng ngày 30/9/2024. Hạn mức cho vay là 30 tỷ VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng lô đất số 24, tờ bản đồ số 97, diện tích 1.212,6m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thời hạn sử dụng đến 8/8/2053 tại đường cô Giang, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo số CQ704792.
- (iii) Khoản vay cá nhân là bên liên quan theo các giấy nhận nợ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty, vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trên giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo (xem thêm tại thuyết minh số VII.1)
- (iv) Các khoản vay lương là các khoản vay Cán bộ công nhân viên trong công ty tương ứng giá trị khối lượng thực hiện đã có nghiệm thu. Trường hợp đã có nghiệm thu thanh toán từ khách hàng, lãi suất 2%/năm, trường hợp đã có nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán từ khách hàng, lãi suất 0%/năm. Khoản vay có kỳ hạn đến ngày 30/9/2025, mục đích bổ sung vốn kinh doanh cho công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.167.362.338	21.354.488.950	-	(29.032.109.063)	22.489.742.225
Vay ngắn hạn các cá nhân	127.582.036.173	-	-	(1.260.000.000)	126.322.036.173
Vay lương	8.186.368.699	574.162.971	60.041.064.391	(4.313.975.061)	64.487.621.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	72.500.004	-	-	(36.250.002)	36.250.002
Cộng	166.008.267.214	21.928.651.921	60.041.064.391	(34.642.334.126)	213.335.649.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	-	26.504.443.756
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	483.333.328	483.333.328
Vay lương	-	84.816.833.220
Cộng	483.333.328	111.804.610.304

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2024, hạn mức 580.000.000 VND, thời hạn vay 96 tháng. Mục đích để mua xe ô tô, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô tải Ford Ranger.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	36.250.002	72.500.004
Trên 1 năm đến 5 năm	483.333.328	111.804.610.304
Cộng	519.583.330	111.877.110.308

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay lương	Cộng
Số đầu năm	26.987.777.084	84.816.833.220	111.804.610.304
Số tiền vay đã trả	(26.504.443.756)	(24.775.768.829)	(51.280.212.585)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		(60.041.064.391)	(60.041.064.391)
Số cuối kỳ	483.333.328	-	483.333.328

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	13.641.904.401	8.455.000.000	(881.800.000)	21.215.104.401
Quỹ phúc lợi	10.967.337.856	8.455.000.000	(8.439.000.000)	10.983.337.856
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	290.000.000	330.000.000	-	620.000.000
Cộng	24.899.242.257	17.240.000.000	(9.320.800.000)	32.818.442.257

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	266.913.190.000	500.000.000	22.979.933.988	70.920.303.013	361.313.427.001
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	30.771.774.160	30.771.774.160
Trích quỹ trong kỳ	-	-	18.000.000.000	(48.934.000.000)	(30.934.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.346.000.000)	(13.346.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	266.913.190.000	500.000.000	40.979.933.988	39.412.077.173	347.805.201.161
Số đầu năm nay	266.913.190.000	500.000.000	40.979.933.988	85.986.845.098	394.379.969.086
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	59.595.064.489	59.595.064.489
Trích quỹ trong kỳ	-	-	25.000.000.000	(42.240.000.000)	(17.240.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(14.040.000.000)	(14.040.000.000)
Số dư cuối kỳ này	266.913.190.000	500.000.000	65.979.933.988	89.301.909.587	422.695.033.575

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV	145.042.270.000	145.042.270.000
Ông Lê Minh Hà	30.357.250.000	32.856.250.000
Cổ đông khác	91.513.670.000	89.014.670.000
Cộng	266.913.190.000	266.913.190.000

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 như sau:

	VND
- Quỹ Đầu tư phát triển (28,57% lợi nhuận sau thuế)	25.000.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2024)	16.910.000.000
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (1 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên)	330.000.000
- Chia cổ tức	14.040.000.000

18d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.691.319	26.691.319

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 62.879,66 USD (số đầu năm là 407.647,90 USD).

19b. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ có các hợp đồng thuê đất ngắn/dài hạn, trả tiền hàng năm, bao gồm:

Địa điểm	Mục đích thuê	Thời gian thuê	Diện tích
Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	Làm Trụ sở Công ty	Đến tháng 10/2043	9.003,4 m ²
Xã Bến Hiên, thành phố Đà Nẵng	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	1.270.421 m ²
Xã Thạnh Mỹ, thành phố Đà Nẵng	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	925.153 m ²

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	96.724.378.040	73.320.619.426
Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	144.520.770.431	112.025.874.601
Doanh thu hoạt động khác	32.222.222	656.111.112
Cộng	241.277.370.693	186.002.605.139

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán Điện	96.724.378.040	73.320.619.426
Ban Quản lý dự án Điện 1	42.394.965.092	-
Ban Quản lý dự án Điện 2	21.855.163.456	16.446.369.506
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền bắc	1.996.673.627	4.048.693.288
Ban Quản lý dự án các Công trình điện Miền Trung	7.940.734.128	31.694.964.785
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	8.207.926.733	1.549.839.239
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	6.573.235.451	385.230.400
Ban Quản lý dự án phát triển điện lực	708.023.816	-
Công ty Truyền tải điện 1	161.800.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	6.372.762.650	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.152.656.426	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát	911.605.926	-
Công ty Thủy điện Sơn La	320.512.951	585.417.824
Công ty Thủy điện Hòa Bình	66.363.636	392.984.545
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	1.150.283.297
Nhà máy thủy điện Hồ Hồ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	-	(18.803.894)
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	-	218.997.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	40.168.569.959	37.057.949.555
Giá vốn khảo sát, thiết kế công trình điện	103.040.234.474	74.403.001.713
Giá vốn hoạt động khác	8.800.000	274.042.376
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.275.626.784	(1.228.122.652)
Cộng	146.493.231.217	110.506.870.992

3. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.027.441.380	13.673.688.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.517.107	4.980.002
Cộng	6.035.958.487	13.678.668.772

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.921.699.322	8.112.568.712
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.823.741	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.210.386	406.775.666
Thuế, phí và lệ phí	1.278.074.791	884.945.607
Dự phòng phải thu khó đòi	607.404.738	9.305.633.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.172.914.111	1.174.161.368
Các chi phí khác	3.483.053.863	2.818.129.325
Cộng	16.960.180.952	22.702.213.811

5. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.595.064.489	30.771.774.160
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.620.000.000)	(8.620.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	50.975.064.489	22.151.774.160
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	26.691.319	26.691.319
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.910	830

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.153 VND xuống còn 830 VND do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được ước tính bằng số trích lập của kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.526.465.342	5.037.926.465
Chi phí nhân công	62.420.650.521	55.152.610.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.840.359.353	19.715.780.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.021.549.653	6.353.466.931
Chi phí khác	74.000.977.271	44.098.449.960
Cộng	174.810.002.140	130.358.234.187

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các vụ kiện, tranh chấp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang có tranh chấp về việc chưa thanh toán các khoản gốc vay và lãi vay cho các cá nhân là ông Lê Phi Long và bà Nguyễn Thị Ngải, với số tiền lần lượt là 78.940.000.000 VND và 43.437.567.610 VND (xem Thuyết minh V.15 và V.16). Đây là các khoản vay cá nhân phát sinh trong giai đoạn từ năm 2013-2017, nhưng chưa phù hợp với Quy chế hoạt động của Công ty. Công ty đã gửi thông báo cho các cá nhân về việc từ ngày 01 tháng 9 năm 2022, Công ty thực hiện khoanh lại toàn bộ các khoản nợ này, tạm thời chưa trả gốc và lãi vay cho đến khi hoàn thành việc rà soát, đánh giá tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản vay.

Ông Lê Phi Long và bà Nguyễn Thị Ngải đã có đơn khởi kiện Công ty gửi đến Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Hà Nội/ “Tòa án”). Theo Thông báo số 82/TB-TLVA ngày 25 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 82/2024/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ngải (người khởi kiện). Bà Ngải yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền gốc vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Công ty đã lập Đơn phản tố gửi Tòa án ngày 21 tháng 10 năm 2024, theo đó, Công ty đề nghị Tòa án tuyên bố các giấy nhận nợ giữa Công ty và Bà Ngải là vô hiệu. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa có thông báo của Tòa án về vụ kiện của Ông Lê Phi Long, vụ kiện của bà Nguyễn Thị Ngải vẫn đang trong quá trình xét xử, chưa có bản án.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Hữu Chính	Chủ tịch HĐQT (từ 26/6/2025) /Tổng Giám đốc (đến 26/6/2025)	405.826.000	79.560.000	485.386.000
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT (đến 26/6/2025)	-	97.920.000	97.920.000
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT (từ 26/6/2025) /Tổng Giám đốc (từ 03/7/2025)	360.067.000	-	360.067.000
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	360.067.000	79.560.000	439.627.000
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	360.067.000	-	360.067.000
Ông Lê Văn Lực	Thành viên HĐQT độc lập	-	79.560.000	79.560.000
Ông Lê Thành Chung	Thành viên HĐQT (đến 26/6/2025)	-	79.560.000	79.560.000
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng BKS	-	81.600.000	81.600.000
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên BKS	397.800.000	-	397.800.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên BKS	-	79.650.000	79.650.000
Ông Đặng Xuân Cung	Kế toán trưởng (từ 01/7/2025)	-	-	-
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (đến 01/7/2025)	320.310.000	-	320.310.000
Cộng		2.204.137.000	577.410.000	2.781.547.000
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT	-	64.800.000	64.800.000
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	312.000.000	10.000.000	322.000.000
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	10.000.000	286.000.000
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	10.000.000	286.000.000
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	10.000.000	286.000.000
Ông Lê Thành Chung	Thành viên HĐQT	-	55.200.000	55.200.000
Ông Lê Văn Lực	Thành viên HĐQT độc lập	-	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng BKS	-	57.600.000	57.600.000
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên BKS	276.000.000	10.000.000	286.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên BKS	-	55.200.000	55.200.000
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	252.000.000	10.000.000	262.000.000
Cộng		1.668.000.000	348.000.000	2.016.000.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Bắc	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Trung	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Nam	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Điện 1	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Điện 2	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Phát triển Điện lực Hà Nội	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Mua bán điện	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Huội Quảng Bản Chát	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Italy	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sơn La	Cùng Tập đoàn EVN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Cùng Tập đoàn EVN

Ông Lê Minh Hà

Cổ đông lớn

Các Công ty con khác của EVN và Ban Quản lý khác thuộc EVN

Cùng tập đoàn EVN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty mẹ và các Công ty con không phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.12, V.13, V.16, V.17.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ và các Công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thủy điện.
- Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	96.724.378.040	144.552.992.653	241.277.370.693
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.724.378.040	144.552.992.653	241.277.370.693
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.555.808.081	38.228.331.395	94.784.139.476
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.960.180.952)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			77.823.958.524
Doanh thu hoạt động tài chính			891.289.909
Chi phí tài chính			(6.035.958.487)
Thu nhập khác			120.909.091
Chi phí khác			(321.469.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.883.665.384)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			59.595.064.489
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	80.281.818	80.281.818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.510.267.876	1.358.896.877	19.869.164.753

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.320.619.426	112.681.985.713	186.002.605.139
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.320.619.426	112.681.985.713	186.002.605.139
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.262.669.871	39.233.064.276	75.495.734.147
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(22.920.686.106)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			52.575.048.041
Doanh thu hoạt động tài chính			1.628.508.396
Chi phí tài chính			(13.678.668.772)
Thu nhập khác			173.181.819
Chi phí khác			(719.672.240)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.206.623.084)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			30.771.774.160
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.259.733.951	1.259.733.951
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.510.389.312	1.205.391.041	19.715.780.352

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	586.169.649.470	313.350.577.409	899.520.226.879
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			73.585.258.975
Tổng tài sản			973.105.485.854
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	471.585.969.220	471.585.969.220
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			78.719.233.059
Tổng nợ phải trả			550.305.202.279
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	616.727.186.332	330.928.491.735	947.655.678.067
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			93.214.144.301
Tổng tài sản			1.040.869.822.368
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.504.443.756	505.452.547.019	531.956.990.775
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			114.427.612.507
Tổng nợ phải trả			646.384.603.282

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty mẹ và các Công ty con chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng



Đặng Xuân Cung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

